TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/DSST
Ngày: 28/9/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh;

2. Ông Lê Văn Phước;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐST-DS ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số C, khóm A, phường B, TP ., tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T là: ông Cao Minh T1, sinh năm 1970; Cư trú: Số A, Khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp *(có mặt)*;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 (*vắng mặt*);

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Ngọc H1, sinh năm 1987 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số A, tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị T ủy quyền cho ông Cao Minh T1 trình bày:

Ngày 30/11/2022, bà T có cho ông Nguyễn Ngọc H vay số tiền 3.300.000.000đ (Ba tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, thời hạn vay là 02 ngày (mục đích để đáo hạn Ngân hàng). Khi vay có lập Giấy mượn tiền và cam kết thanh toán ghi ngày 30/11/2022, biên nhận do Nguyễn Ngọc H tự viết và ký tên, bà T cũng có ký tên trong biên nhận.

Đến hạn trả nợ thì ông H không trả vốn gốc và không đóng lãi theo như thỏa thuận.

Vì vậy bà Lê Thị T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H và chị Dương Thị Ngọc H1 liên đới trả lại số tiền đã vay là 3.300.000.000đ (Ba tỷ ba trăm triệu đồng) và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 30/11/2022 đến ngày 12/10/2023 số tiền 569.712.000đ.

Tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu ông Nguyễn Nọc H2 trả lại số tiền đã vay là 3.300.000.000đ (Ba tỷ ba trăm triệu đồng) và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 30/11/2022 đến ngày xét xử vụ kiện (28/9/2024) với lãi suất là 01%/ tháng.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Trước đây ông H có vay tiền nhiều lần của bà Lê Thị T, số tiền cụ thể thì ông không nhớ nhưng sau khi vay thì ông đã trả hết nợ và lãi. Khi vay tiền có lập biện nhận nhưng các biên nhận bà T giữ ông H không giữ.

Đối với Giấy mượn tiền và cam kết thanh toán ghi ngày 30/11/2022 thì ông H thừa nhận chữ viết là của ông, do ông điền theo mẫu, chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Ngọc H là do ông H ký và viết, nhưng nội dung mục đích vay tiền, hạn trả cuối cùng và lãi suất là do bà T tự ghi.

Ông H trình bày ông H đã chuyển khoản trả tiền vốn gốc và tiền lãi cho bà T từ cuối năm 2023, nhưng ông H không nhớ cụ thể tiền lãi bao nhiêu.

Do đó, ông Nguyễn Ngọc H không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Ngọc H1 vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trả cho bà Lê Thị T số tiền là 3.300.000.000 đồng và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H trả số tiền 3.300.000.000đ và lãi đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Nguyễn Ngọc H có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc H, bà Dương Thị Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông H, bà H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Lê Thị T cho ông Nguyễn Ngọc H vay số tiền 3.300.000.000đ lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, thời hạn vay là 03 ngày, khi vay có lập Giấy mượn tiền và cam kết thanh toán, mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng. Sau khi vay thì ông H chưa trả vốn và lãi cho bà T theo như thỏa thuận.

Ông Nguyễn Ngọc H thừa nhận có lập biên nhận vay số tiền 3.300.000.000đ của bà T, tuy nhiên ông H trình bày đã trả cho bà T vốn và lãi từ cuối năm 2023 nên hiện nay ông H không còn nợ bà T.

Người có quyền lợi và nghĩ vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc H1, vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà T và bị đơn ông H đều thống nhất ông H có vay của bà Lê Thị T số tiền 3.300.000.000đ. Căn cứ khởi kiện nguyên đơn đưa ra là Giấy mượn tiền và cam kết thanh toán ghi ngày 30/11/2022, giấy mượn tiền do chính bị đơn ông H viết và trực tiếp ký vào, nội dung giấy mượn tiền có ghi lãi suất và thời hạn trả. Như vậy giao dịch của hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự.

Ý kiến của bị đơn cho rằng đã chuyển khoản trả cho bà T vốn và lãi thông qua tài khoản của ông Nhan Mạnh T2 nên hiện nay ông H không còn nợ tiền của bà T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: mặc dù ông H trình bày có chuyển khoản cho ông Nhan Mạnh T2 để trả tiền cho bà T tuy nhiên ông H không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc ông H đã chuyển khoản cho ông T2 số tiền 3.300.000.000đ và lãi để trả cho bà T. Quá trình giải quyết vụ án anh Nhan Mạnh T2 trình bày tài khoản của anh T2 không nhận được khoản tiền nào từ ông H chuyển đến.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H trả tiền vay 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 30/11/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện với lãi suất là 01%/ tháng đối với số tiền 3.300.000.000đ.

Xét thấy, theo nội dung Giấy mượn tiền thì lãi suất là 0,2%/ngày (tương đương 6%/tháng) nên lãi suất được xác định theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 30/11/2022 đến ngày 28/9/2024 là 22 tháng 8 ngày. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 22 tháng. Như vậy tiền lãi sẽ là: (3.300.000.000đ x 1%/ tháng x 22 tháng) = 726.000.000đ (Bảy trăm hai mươi sáu triệu đồng).

[2.3] Về án phí: ông Nguyễn Ngọc H nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 3.300.000.000đ (Ba tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi 726.000.000đ (Bảy trăm hai mươi sáu triệu đồng). Tổng cộng vốn lãi là 4.026.000.000đ (Bốn tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: ông Nguyễn Ngọc H phải nộp 112.026.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan